

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2020

V/v ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09-7-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng TKN, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Dương TĐ, sinh năm 1991; địa chỉ: Đội 11, thôn Đ, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 24-02-2020, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 03-3-2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng TKN trình bày:*

Chị và anh Dương TĐ tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q vào ngày 25-7-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, nhiều lần nói lời xúc phạm chị, hăm dọa gia đình phía chị dẫn đến vợ chồng thường cãi vã. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhiều nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã không sống chung từ tháng 01-2020 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể chung sống với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có 02 con chung là Dương ĐN, sinh ngày 06-6-2016 và cháu Dương ĐH, sinh ngày 27-7-2018. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hiện nay, chị đang ở nhà mẹ đẻ tại xã Đ, huyện M; cháu N và cháu H đang sống với chị; chị là giáo viên, công tác tại Trường Tiểu học T, có làm thêm ngoài giờ, thu nhập 6.800.000 đồng/tháng nên chị đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*2. Tại Bản tự khai ngày 21-4-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Dương TĐ trình bày:*

Anh đồng ý với nội dung trình bày của chị Đặng TKN về quá trình tìm hiểu yêu thương, kết hôn và con chung của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn giữa anh và gia đình phía vợ; gia đình vợ thường can thiệp vào chuyện của vợ chồng anh, không chia sẻ với điều kiện công việc của anh, anh nóng nảy nên có những lời nói không đúng. Hiện nay tuy anh và chị N đã sống ly thân, nhưng anh rất thương chị N, con chung còn quá nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung là Dương ĐH, Dương ĐN cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 8-2020 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### *3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh Đ. Giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 8-2020 đến khi các con đủ 18 tuổi. Tài sản chung chị N và anh Đ đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Chị N, anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn chị Đặng TKN vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[1.2] Ngày 21/4/2020, Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị N và anh Đ, tuy nhiên ngày 28-4-2020, anh Đ có văn bản thay đổi ý kiến đã thỏa thuận. Căn cứ Điều 203, 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Chị Đặng TKN và anh Dương TĐ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q vào ngày 25-7-2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị N và anh Đ trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, tuy nhiên cả hai bên đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ tháng 01-2020 đến nay. Chị N yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng thời gian qua thiếu trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.3] Chị N và anh Đ có 02 con chung là Dương ĐN, sinh ngày 06-6-2016 và cháu Dương ĐH, sinh ngày 27-7-2018. Xét cả 02 cháu hiện đang sống cùng chị N, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, bản thân chị N có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao 02 cháu N và H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 8-2020 đến khi các con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; anh Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng TKN về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Chị Đặng TKN được ly hôn anh Dương TĐ.

3. Giao cháu Dương ĐN, sinh ngày 06-6-2016 và cháu Dương ĐH, sinh ngày 27-7-2018 cho chị Đặng TKN trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương TĐ về việc cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Dương ĐN và cháu Dương ĐH mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8-2020 cho đến khi các cháu N và H đủ 18 tuổi.

Anh Dương TĐ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chị Đặng TKN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003376 ngày 10-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Dương TĐ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hồng Ánh**